

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1.

THÔNG TIN CHUNG (*General information*):

- Tên học phần (*tiếng Việt*) : **PHÁP LUẬT BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG**
- Tên học phần (*tiếng Anh*) : **Law on protection of consumers' rights**
- Mã học phần : **LE3026**
- Trình độ : Cử nhân
- Loại học phần ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- Thuộc thành phần ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
☐ Kiến thức cơ sở khối ngành
☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
☐ Kiến thức cuối khoá
- Khoa, Bộ môn phụ trách : Khoa Kinh tế - Quản trị, Bộ môn Luật
- **Số tín chỉ**
(*Lý thuyết, thực hành*) : **3 (3,0,6)**
- **Phân bổ thời gian**
- Lý thuyết: 45 giờ;
- Thực hành; Tự học; thảo luận nhóm: 90 giờ;
- Học phần tiên quyết :
- Học phần học trước :
- Học phần song hành :

2.

MÔ TẢ HỌC PHẦN (*Course description*):

(*Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần*)

- Nội dung môn học nghiên cứu khái niệm, đặc điểm và nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hệ thống cơ quan quản lý và cơ quan chuyên môn về bảo vệ người tiêu dùng.

- Nghiên cứu về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Nghiên cứu thực tiễn về giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân hàng hóa kinh doanh dịch vụ và các chế tài áp dụng cho hành vi vi phạm.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives):

(Xác định các mục tiêu chung của học phần, gồm các mục tiêu về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

- **Về kiến thức:**

Cung cấp, truyền đạt kiến thức và phát triển nhận thức quan trọng đối với Luật bảo vệ người tiêu dùng

- **Về kỹ năng**

Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- **Về thái độ**

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc hiểu và vận dụng được các kiến thức về Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng trong thực tế.

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Hiểu các lý do cần thiết phải bảo vệ NTD; Biết các loại thiết chế bảo vệ NTD quan trọng nhất ở Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước chủ chốt về bảo vệ quyền lợi NTD ở Việt Nam; Hiểu được quyền, nghĩa vụ của các cơ quan quản lý nhà nước chủ chốt trong việc thực thi pháp luật bảo vệ NTD; Biết được cơ quan tài phán về bảo vệ NTD ở Việt Nam.
O2	Hiểu được các yêu cầu của phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh, các phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức cá nhân kinh doanh theo LBVQLNTD.
Kỹ năng	
O3	Hiểu, xác định được chủ thể là NTD theo LBVQLNTD; Phân tích được sự cần thiết phải bảo vệ NTD; Hiểu được nội dung của chính sách bảo vệ NTD; Phân tích được vai trò của hệ thống thiết chế chế bảo vệ NTD trong việc bảo vệ NTD; Phân biệt được vai trò của các loại thiết chế trong việc thực thi pháp luật bảo vệ NTD; Phân tích được quyền, nghĩa vụ của cơ quan quản lý nhà nước chủ chốt trong việc thực thi pháp luật bảo vệ NTD; Phân tích được quyền, nghĩa vụ của toà án và trọng tài trong việc bảo vệ NTD.

Mức tự chủ và trách nhiệm	
O4	Biết đánh giá về khả năng áp dụng các chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD trên thực tế; Tìm hiểu hệ thống các văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ NTD; Biết hợp tác, tích cực làm việc trong nhóm hiệu quả để giải quyết các nhiệm vụ được giao; Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên; Hình thành lối sống có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội; Có ý thức sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật. Biết phê phán những hành vi vi phạm pháp luật.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (*Course learning outcomes - CLOs*)

(Cụ thể hóa mục tiêu cụ thể, gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm)

Ox	CLOx	PLOx
Kiến thức		
O1, O2, O3	CLO1: Hiểu được khái niệm, đặc điểm và nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Hiểu được các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với người tiêu dung (NTD);	PLO1, PLO2, PLO3
	CLO2: Hiểu được các chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD và phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và thương nhân	
Kỹ năng		
O2 O3	CLO3: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tìm kiếm, kỹ năng tổng hợp các quy định của pháp luật bảo vệ NTD để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trên thực tế; Hình thành và phát triển kỹ năng so sánh, bình luận đánh giá các vấn đề của pháp luật bảo vệ quyền lợi NTD;	PLO2 PLO3 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO8 PLO9
	CLO4: Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về bảo vệ NTD để có thể đưa ra các phương hướng giải quyết tranh chấp và cách thức bảo vệ quyền và lợi ích của NTD; Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng;	
	CLO5: Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về bảo vệ NTD để có thể đưa ra các phương hướng giải quyết tranh chấp và cách thức bảo vệ quyền và lợi ích của	

	NTD; Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng;	
	CLO6: Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp;	
	CLO7: Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O4	CLO8: Biết hợp tác, tích cực làm việc trong nhóm hiệu quả để giải quyết các nhiệm vụ được giao.	PLO8 PLO10
	CLO9: Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;	
	CLO10: Hình thành lối sống có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội. Có ý thức sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật. Biết phê phán những hành vi vi phạm pháp luật .	

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

(có thể theo bài giảng hoặc theo chương nhưng bài giảng tốt hơn)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG G
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	Chương 1: Những vấn đề lý luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD 1.1. Tổng quan về bảo vệ NTD	3	12	3		18
Bài 1 (TT)	Chương 1: Những vấn đề lý luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD (TT)	3				3

	Nội dung	Số giờ				TỔNG
Số TT	1.2. Khái niệm, đặc điểm của NTD (Tên bài giảng) 1.3. Khái niệm, đặc điểm của PL bảo vệ NTD					
Bài 1 (TT)	Chương 1: Những vấn đề lý luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD (TT) 1.4. Khái quát pháp luật về bảo vệ NTD Việt Nam	3	6			9
Bài 2	Chương 2: Các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ NTD ở Việt Nam 2.1. Khái quát về thiết chế bảo vệ NTD.	3	12	3		18
Bài 2 (TT)	Chương 2: Các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ NTD ở Việt Nam (TT) 2.2. Các thiết chế bảo vệ NTD ở Việt Nam, quyền và nghĩa vụ của từng thiết chế trong bảo vệ NTD	3				3
Bài 2 (TT)	Chương 2: Các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ NTD ở Việt Nam (TT) 2.2. Các thiết chế bảo vệ NTD ở Việt Nam, quyền và nghĩa vụ của từng thiết chế trong bảo vệ NTD	3	6			9
Bài 3	Chương 3: Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD 3.1. Trách nhiệm cụ thể của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với NTD	3	12	3		18
Bài 3 (TT)	Chương 3: Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD (TT) 3.2. Pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá,	3				3

	Nội dung	Số giờ				TỔNG
Số TT	dịch vụ đối với NTD ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam (Tên bài giảng)					G
Bài 3 (TT)	Chương 3: Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD (TT) 3.2. Pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam	3	6			9
Bài 4	Chương 4: Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD 4.1. Khái niệm, đặc điểm của chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ NTD	3	12	3		18
Bài 4 (TT)	Chương 4: Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD 4.2. Các loại chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD	3				3
Bài 4 (TT)	Chương 4: Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD 4.2. Các loại chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD	3	6			9
Bài 5	Chương 5: Phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh 5.1. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh	3	12	3		18
Bài 5 (TT)	Chương 5: Phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh (TT) 5.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh	3				9

	Nội dung	Số giờ				TỔNG G
Số TT Bài 5 (TT)	Chương 5: (Phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh (TT)) 5.3. Phân tích được vai trò của tổ chức bảo vệ NTD trong việc khởi kiện ra toà án tranh chấp giữa NTD và thương nhân 5.4. Tìm hiểu cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.	3	6			9
TỔNG		45	90	15		150

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (*Teaching – Learning methods*):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết:
- Thực hành:

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết:
- Thực hành:

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO (*Learning materials*)

7.1. Tài liệu dạy học: chỉ có 1 tài liệu – bắt buộc bằng tiếng Việt

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2012, Nxb. Công an nhân dân,

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo: từ 3-5 tài liệu, một số học phần có thể có 7 tài liệu, (cả tiếng Việt và tiếng Anh)

[1] Bộ luật dân sự năm 2015

[2] Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010;

- [3] Nghị định của Chính phủ số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
- [4] Nghị định của Chính phủ số 19/2012/NĐ-CP ngày 16/03/2012 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- [5] Nghị định của Chính phủ số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

- [1] Laptop
- [2] Slides
- [3] Máy chiếu
- [4] Viết và bảng
- [5] Micro....

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (Testing and assessment methods)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)	Từ 5,0 trở lên	P	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	Chấm bài tập	Rubic 1	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubic ...	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubic ...	20% - 30%
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
		...		
Kết thúc học phần	Thi	Trắc nghiệm / Tự luận	Rubic ...	60% - 70%

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

9. MA TRẬN (Matrix):

❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: (nên có ma trận này)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	S	S	S	H	H	S	P	P	P	P
CLO2	H	H	H	H	S	S	S	P	P	P
CLO3	H	H	H	H	S	S	S	P	P	P
CLO4	H	H	H	H	S	S	S	P	P	P
CLO5	H	H	H	H	S	S	S	P	P	P
CLO6	S	S	S	S	S	S	P	P	P	P
CLO7	S	S	S	S	S	S	P	P	P	P
CLO8	S	S	S	H	S	S	P	P	S	S
CLO9	S	S	S	S	P	P	P	P	S	S
CLO10	S	S	S	S	P	P	P	P	S	S

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Để trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Partial supported

Supported

Highly supported

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần**

PP dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Thuyết trình	H	H	H	H	H	S	S	S	P	P
Thảo luận nhóm	H	H	H	H	H	S	S	S	P	P
Hỏi – trả lời	H	H	H	H	H	S	S	S	P	P
Báo cáo chuyên đề										
Bài tập										
....										

❖ **Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần**

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Lý thuyết	H	H	H	H	H	P	P	S	S
Điểm chuyên cần	H	H	H	H	H	P	P	S	S
Điểm kiểm tra MCQ	H	H	H	H	H	P	P	S	S
Điểm thi kết thúc MCQ	H	H	H	H	H	P	P	S	S
Thực hành									
Kế hoạch thực hành, bệnh án ...									
Thi kết thúc									

❖ **Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần**

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học**

10.

RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (Scoring guide/Rubric):

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Số giờ vắng	Số giờ HP	Mức điểm Thang điểm 10	Ghi chú
0%		10	
> 0% - 10%		9	Có phép
> 0% - 10%		7	Không có phép
....			
> 25%		0	Không được dự thi kiểm tra học phần

Rubic 2: thang điểm chấm bài trắc nghiệm (kiểm tra thường xuyên).

Rubic 3: Đánh giá bài báo cáo nhóm

Rubic 4: Đánh giá thuyết trình nhóm

Rubic 5: Đánh giá hoạt động cá nhân tự học

- Bài tập cá nhân
- Tham gia hoạt động nhóm
- Hoạt động trong giờ học trên lớp

Rubic 6: Thang điểm chấm bài thi thực hành

Rubic 7: Thang điểm chấm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (Student support)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ hàng tuần tại Văn phòng khoa ...

Tp.HCM, ngày tháng năm 2022